TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /2021/QĐST – HNGĐ	*Bát Xát, ngày 25 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
v/v Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Duy Chiến.

Thư ký phiên họp: Ông Nhâm Đình Mạnh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-VDS ngày 03 tháng 11 năm 2021, về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2021/QĐST - VDS ngày 17 tháng 11 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Tẩn Phù V; tên gọi khác tẩn Phù V;
- Bà Tẩn San M; tên gọi khác Tẩn Sểnh Ph;
- Anh Tẩn Tả D;

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Cả ba người vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nộp Tòa án ngày 25/10/2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết thì người yêu cầu ông Tẩn Phù V; bà Tẩn San M và anh Tẩn Tả D trình bày:

Vợ chồng ông Tẩn Phù V và bà Tẩn San M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, không đăng ký kết hôn, có làm lễ cưới theo phong tục tập quan địa phương. Trong quá trình chung sống ông, bà khó khăn trong việc sinh con, năm 2000 ông V và bà M làm thủ tục nhận cháu Tẩn Tả D là con của bà

Đặng Thị Q và ông Phạm Xuân L về làm con nuôi, sau khi được sự nhất trí của bố mẹ đẻ bằng văn bản thì ông V và bà M đã làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo qui định của pháp luật. Ngày 20/9/2000 Ủy ban nhân dân xã M huyện B, tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định công nhận nuôi con nuôi, quyết định không có số, trong đó nêu rõ là ông V và bà M là cha mẹ nuôi của của cháu Tẩn Tả D, sinh ngày 03/10/1992, dân tộc kinh, quốc tịch Việt Nam, quê quán: M, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nơi thường trú: thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Sau khi quyết định có hiệu lực thì vợ chồng ông V và bà M đón cháu D về nuôi, trong quá trình nuôi cháu D từ ngày 20/9/2000 cho đến nay tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của cháu D với bố mẹ nuôi, gia đình, cộng đồng đều tốt, không sảy ra bất cứ điều gì làm ảnh hưởng đến cháu D.

Đến nay do nguyện vọng của cháu D, cháu D đã 29 tuổi đã thành niên, muốn chấm dứt việc nuôi con nuôi. Ông V và bà M đã bàn bạc và đã thống nhất đồng ý với cháu D là chấm dứt việc nuôi con nuôi.Vì vậy ông V, bà M và anh Tẩn Tả D làm đơn đề nghị Tòa án công nhận cho sự thỏa thuận chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Khi chấm dứt việc nuôi con nuôi, về tài sản ông V, bà M và anh Tẩn Tả D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quyền yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi: Căn cứ vào Điều 26 Luật nuôi con nuôi năm 2010 thì ông Tẩn Phù V, bà Tẩn San M và anh Tẩn Tả D có quyền chấm dứt việc nuôi con nuôi.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Tẩn Phù V, bà Tẩn San M và anh Tẩn Tả D có địa chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm l khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên họp người yêu cầu ông Tẩn Phù V, bà Tẩn San M và anh Tẩn Tả D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự ở trên.

[2] Về nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết:

Ông Tẩn Phù V, bà Tẩn San M và anh Tẩn Tả D yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Xét thấy ông Tẩn Phù V và bà Tẩn San M do khó khăn trong việc sinh con nên năm 2000 ông V và bà M làm thủ tục nhận cháu Tẩn Tả D là con của bà Đặng Thị Q và ông Phạm Xuân L về làm con nuôi. Ngày 20/9/2000 Ủy ban nhân dân xã Mường Hum, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định công nhận nuôi con nuôi.

Khi làm thủ tục việc nuôi con nuôi thì bố và mẹ của anh Tẩn Tả D là ông Phạm Xuân L và bà Đặng Thị Q đã có giấy thỏa thuận đồng ý cho anh Tẩn Tả D làm con nuôi, thời điểm anh Tẩn Tả D được nhận làm con nuôi mới 7 tuổi 11 tháng 17 ngày vì vậy không cần có sự đồng ý của anh D. Như vậy về thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi, thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi phù hợp với Điều 35, 36 Nghị định 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch.

Nay ông Tẩn Phù V, bà Tẩn San M và anh Tẩn Tả D yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi. Xét thấy trong quá trình anh Tẩn Tả D làm con nuôi ông Tẩn Phủ V và bà Tẩn San M tình trạng sức khỏe, thể chất, tinh thần, sự hòa nhập của anh Dũng với bố mẹ nuôi, gia đình, cộng đồng đều tốt, không sảy ra bất cứ điều gì làm ảnh hưởng đến anh D. Nay anh D đã thành niên và cha mẹ nuôi cũng tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi, vì vậy Tòa án công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp với khoản 1 Điều 25 Luật nuôi con nuôi.

Khi chấm dứt việc nuôi con nuôi thì quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản: ông Tẩn Phù V, bà Tẩn San M và anh Tẩn Tả D khi được chấm dứt việc nuôi con nuôi không yêu cầu giải quyết về tài sản. Vì vậy Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016. Ông Tẩn Phù V, bà Tẩn San M và anh Tẩn Tả D phải chịu lệ phí việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm l khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2 Điều 367; Điều 370 và Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 35, 36 Nghị định 83/1998/NĐ - CP ngày 10/10/1998 của Chính phủ về đăng ký hộ tịch.

Căn cứ Điều 25, Điều 26 Luật nuôi con nuôi năm 2000.

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016.

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Tẩn Phù V, tên gọi khác Tẩn Phù V; Bà Tẩn San M, tên gọi khác Tẩn Sểnh P và anh Tẩn Tả D về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Tẩn Phù V, tên gọi khác Tẩn Phù Vầy; Bà Tẩn San M, tên gọi khác Tẩn Sểnh P và anh Tẩn Tả D phải chịu lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002094 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Ông Tẩn Phù V, tên gọi khác Tẩn Phù V; Bà Tẩn San M, tên gọi khác Tẩn Sểnh P và anh Tẩn Tả D đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự.

3. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát H. Bát Xát;
- Người yêu cầu (3);
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Duy Chiến

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……../……./QĐST-……[2]	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v[3]……..
TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán: [4] Ông (Bà) .....

Ông (Bà) ....

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)[5] .....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ..... tham gia phiên họp: Ông (Bà)…….. - Kiểm sát viên.

Ngày…….. tháng…… năm…… , tại[6] .....mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số …./…./TLST-.... ngày…. tháng …. năm….. về việc[7] ……theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số ……/ …../QĐST-……

ngày…. tháng…. năm…… , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[8] .....

.....

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[9].....

.....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: [10].....

.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[11].....

.....

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[12].....

.....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[13] .....

.....

.....

- Người làm chứng (nếu có):[14].....

.....

.....

- Người phiên dịch (nếu có):[15].....

.....

.....

- Người giám định (nếu có):[16].....

.....

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:[17]

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân ……..nhận định:[18]

[1]
.....
.....
.....
.....
[2].....
.....
.....
.....
[3].....
.....
.....
.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ[19].....
.....
.....
.....
-
[20].....
.....
.....
.....
- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự[21].....
.....
.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị[22].....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án[23] .....

.....

Nơi nhận: - Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; - Lưu: Hồ sơ việc dân sự.	**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP** [24] *(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ

là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại……. là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

"THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"

Mẫu số 23-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)